TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **173**/ 2024/HC-PT
Ngày: 21 /5/ 2024
V/v "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà **Võ Thị Ngọc Dung**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Cường**

bà **Trần Thị Kim Liên**

- Thư ký phiên tòa: ông **Lương Quang Toàn** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 385/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC- ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 852/2024/QĐPT-HC ngày 03 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: bà Đỗ Thị T, sinh năm 1946 (chết).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà Đỗ Thị T:

1. ông Trần N, sinh năm 1965;

2. ông Trần N1, sinh năm 1963;

3. ông Trần S, sinh năm 1983;

4. ông Trần B, sinh năm 1980.

5. bà Trần Thị N2, sinh năm 1969;

6. bà Trần Thị V, sinh năm 1975;

7. bà Trần Thị H, sinh năm 1968;

8. bà Trần Thị M (Mười C), sinh năm 1970;

9. bà Trần Thị M (Mười E), sinh năm 1970;

10. bà Trần Thị V1, sinh năm 1976;

11. bà Trần Thị Q, sinh năm 1979;

12. bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1989.

Cùng thường trú tại: Tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

13. ông Trần C1, sinh năm 1984; thường trú tại: Tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Đều xin xét xử vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Thanh H2 - Phó Chủ tịch, vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh K, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa, xin vắng.

Người kháng cáo: bà Phạm Thị N3 là người đại diện theo ủy quyền người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:***

Thửa đất mà bà Đỗ Thị T xây tường gạch móng đá chẻ bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thị xã N xử phạt vi phạm hành chính bằng Quyết định số 2383/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 (sau đây viết tắt là Quyết định 2383) diện tích 360m^2 tại Tổ dân phố B, phường N, N có nguồn gốc là đất mồ mả của ông, bà, tổ tiên bà tạo lập từ trước năm 1975, không có giấy tờ. Trên đất có 22 ngôi mộ. Năm 2002, gia đình bà hốt cốt 22 ngôi mộ này đem chôn tại Nghĩa trang M2, xã N (nay là phường N). Năm 2008, UBND xã N cho máy ủi đến nhổ trụ, san ủi thửa đất trên nhưng không thông báo cho bà biết lý do cũng không có văn bản nào đối với thửa đất này. Đến năm 2017, bà mới được UBND phường N cho biết rằng thửa đất của bà đã được phân lô bán đấu giá nhưng bà không nhận được quyết định nào về việc này. Bà xây tường gạch, móng đá chẻ để bảo vệ đất, ngăn chặn việc bán đấu giá thì bị Chủ tịch UBND thị xã N xử phạt vi phạm hành chính bằng Quyết định 2383 với lý do lấn chiếm đất trái phép. Bà khiếu nại nội dung này thì Chủ tịch UBND thị xã N bằng Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 (sau đây viết tắt là Quyết định 2996) và Chủ tịch UBND tỉnh K giải quyết bằng Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 (sau đây viết tắt là Quyết định 77) với nội dung bác khiếu nại của bà. Việc ban hành các quyết định này của Chủ tịch UBND thị xã N và Chủ tịch UBND tỉnh K là không đúng vì thửa đất của bà không nằm trong quy hoạch phân lô khu dân cư Phú Thạnh theo Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày

23/7/2012 của UBND thị xã N, bà không lấn chiếm đất trái phép. Vì vậy, bà yêu cầu hủy Quyết định 2383, Quyết định 2996 và Quyết định 77.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà T đã giao nộp cho Tòa các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản photo: Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả ngày 10/4/2018 của UBND huyện V, Trích lục bản đồ địa chính thửa 238, tờ bản đồ số 36, Bản sao: Quyết định 2383, Quyết định 2996, Quyết định 77, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình bà Đỗ Thị T, Giấy ủy quyền ngày 08/01/2019.

**** Tại Văn bản số 1427/UBND ngày 10/5/2019, quá trình tham gia tố tụng, Chủ tịch*** UBND thị xã N***, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch*** UBND thị xã N ***trình bày:***

Bà Đỗ Thị T có hành vi lấn, chiếm đất ở tại một phần lô đất số 343 thuộc tờ bản đồ số 4 khu quy hoạch phân lô dân cư P, phường N, thị xã N. Áp dụng khoản 03 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành trong lĩnh vực đất đai, ngày 21/5/2018 Chủ tịch UBND thị xã N đã ban hành Quyết định 2383 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Nguyễn Thị L và Đỗ Thị T.

Sau khi nhận quyết định, ngày 01/6/2018 bà Đỗ Thị T có đơn khiếu nại Quyết định 2383. Qua kết quả thẩm tra xác minh, UBND thị xã N đã tổ chức đối thoại và ngày 26/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã đã ban hành Quyết định 2996 về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Đỗ Thị T. Như vậy, Quyết định 2383 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Đỗ Thị T và Quyết định 2996 về việc giải quyết khiếu nại đối với bà Đỗ Thị T là phù hợp với quy định của Pháp luật. Chủ tịch UBND thị xã N không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện.

**** Tại Văn bản số 4475/UBND-NC ngày 14/5/2019, quá trình tham gia tố tụng, Chủ tịch*** UBND tỉnh K***, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch*** UBND tỉnh K ***trình bày:***

Về vị trí, nguồn gốc đất và diễn biến quá trình sử dụng đất của bà Đỗ Thị T, theo lời trình bày của bà Đỗ Thị T và hồ sơ thu thập được thì nguồn gốc thửa đất gia đình bà Đỗ Thị T xây móng đá chẻ bị Chủ tịch UBND thị xã N, H3 ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2383/QĐ-UBND ngày 21/5/2018 là đất mồ mả có trước năm 1975. Năm 2002,gia đình tiến hành bốc 22 ngôi mộ ở thửa đất nêu trên di dời đến nghĩa địa M, phường N. Sau khi bốc mộ, gia đình tiến hành rào lại. Năm 2008, UBND xã N (nay là phường N) tiến hành san ủi mặt bằng nhưng không thông báo cho gia đình bà biết. Năm 2017, UBND phường N tiến hành phân lô bán, gia đình có làm đơn khiếu nại (chưa cung cấp đơn và biên nhận) và tiến hành xây dựng móng đá chẻ. Ngày 16/5/2018, UBND phường N lập Biên bản vi phạm hành chính đối với gia đình bà Đỗ Thị T do có hành vi lấn, chiếm đất ở. Ngày 21/5/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định 2383 về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Đỗ Thị T về hành vi lấn, chiếm đất ở. Bà Đỗ Thị T cung cấp Giấy xin xác nhận đất từ đường

chôn cất mồ mả họ tộc (bằng giấy viết tay không có xác nhận của chính quyền địa phương, bản photo).

Về việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị T, ngày 01/6/2018, bà Đỗ Thị T có đơn khiếu nại lần đầu gửi Chủ tịch UBND thị xã N về việc đề nghị thu hồi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai số 2383/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N đối với bà Đỗ Thị T về hành vi lấn chiếm đất ở. Ngày 26/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định 2996 về việc giải quyết khiếu nại của bà Đỗ Thị T, với nội dung: Bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T. Bà Đỗ Thị T không đồng ý với Quyết định nêu trên và có đơn tiếp khiếu, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh giải quyết.

Kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà Đỗ Thị T như sau: Thửa đất số 343, tờ bản đồ số 4 quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N đã được UBND thị xã N phê duyệt. Bà Đỗ Thị T xây một lớp đá chẻ thuộc 01 phân thửa đất số 343 với diện tích 3,1m x 4,9m = 15,19 m^2 theo sơ đồ thửa đất số 1120/2018/SĐĐ, tỉ lệ 1/1000 đo chỉnh lý, xác định ranh giới thửa đất số, tờ số 17 bộ BDC phường N do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại thị xã N ký ngày 21/5/2018; nguyên trước khi quy hoạch là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 4 xã N (nay là phường N), loại đất hoang do UBND xã N quản lý (trên hồ sơ quản lý là đất quy hoạch, hiện trạng là đất hoang). Căn cứ Biên bản làm việc ngày 26/3/2018 của UBND phường N với bà Đỗ Thị T; Công văn số 32/UBND ngày 29/3/2018 của UBND phường N về việc trả lời đơn cho bà Đỗ Thị T; Biên bản làm việc ngày 12/4/2018 giữa UBND phường, Ủy ban M phường, Hội Cựu chiến binh phường và Tổ trưởng tổ dân phố B với bà Lương Thị M1, bà Nguyễn Thị L1 và bà Đỗ Thị T; Biên bản làm việc ngày 11/7/2018 giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã N với UBND phường và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường N cho thấy: khu quy hoạch phân lô khu dân cư B, xã N năm 2006 thuộc thửa đất số 40 loại đất nghĩa địa), thửa đất số 41 (loại đất quy hoạch), tờ bản đồ số 01 được UBND huyện N cho phép UBND xã N tiến hành lập phương án đền bù, giải tỏa mồ mả năm 2008 và được thông báo trên đài Truyền thanh cho các hộ dân trên địa bàn xã N, N có mồ mả thì đến hiện trạng cùng với UBND xã để kiểm kê số lượng mồ mả, bồi thường theo quy định của Nhà nước và di chuyển hài cốt đến nghĩa địa M3 chôn cất (gồm 480 ngôi mộ) không có tên của hộ bà Đỗ Thị T. Khu quy hoạch phân lô dân cư P, phường N năm 2012 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 4 loại đất hoang) do UBND xã N quản lý (trên hồ sơ quản lý là đất quy hoạch, hiện trạng là đất hoang). Khu quy hoạch phân lô khu dân cư B, xã N năm 2006 và Khu quy hoạch phân lô dân cư P, phường N năm 2012 đã được UBND thị xã N phê duyệt hồ sơ quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N, thị xã N tại Quyết định số 1464/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 và được tổ chức bán đấu giá vào các năm 2014, 2015, 2016.

Do đó, ngày 21/5/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định 2383 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Đỗ

Thị T về hành vi lấn chiếm đất ở là đúng quy định. Việc bà Đỗ Thị T có đơn khiếu nại đề nghị thu hồi Quyết định 2383 là không có cơ sở giải quyết. Trên cơ sở báo cáo, tham mưu của Sở T4, ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 77/QĐUBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T (lần hai), với nội dung cơ bản: Bác đơn khiếu nại của bà Đỗ Thị T, công nhận Quyết định 2996 của Chủ tịch UBND thị xã N.

Với những căn cứ nêu trên, Chủ tịch UBND tỉnh K đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị T đối với Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

**** Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của*** Ủy ban nhân dân phường N ***trình bày:***

Thửa đất bà Đỗ Thị T xây tường gạch móng đá chẻ bị xử phạt vi phạm hành chính thuộc một phần thửa số 343, tờ bản đồ số 4 bản đồ địa chính phường N (thửa số 35, tờ bản đồ số 4 xã N). Theo sổ mục kê của xã N năm 2002 thì thửa đất này là đất quy hoạch, hiện trạng là đất hoang và đất nghĩa địa do UBND xã N quản lý. Bà T từ trước đến nay không có bất kỳ giấy tờ nào để chứng minh nguồn gốc đất của mình, không đăng ký kê khai việc sử dụng đất tại địa phương. Năm 2008, 2009, UBND xã N tiến hành kiểm kê số lượng mồ mả để quy hoạch khu dân cư P thì thửa đất này là đất trống. Sau đó, UBND phường N có lập Biên bản kiểm kê và áp giá bồi thường thì trong danh sách lập biên bản kiểm kê không có tên bà T. Trước khi ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T cán bộ thuộc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã N đã tiến hành đo đạc, định vị vị trí thửa đất bà T tự ý xây móng đá chẻ thì kết quả là vị trí của thửa đất bà T xây móng đá chẻ thuộc quy hoạch của Quyết định 1464/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 của UBND thị xã N. UBND phường N không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC- ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Bác đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị T về việc hủy Quyết định số 2383/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N, Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N và Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 172/2021/HC-PT ngày 01/7/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

- Bác kháng cáo của bà Phạm Thị N3 đại diện ủy quyền của người khởi kiện bà Đỗ Thị T; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC- ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Bác đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị T về việc hủy Quyết định số 2383/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N, Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thị xã N và Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh K.

Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định án phí.

Ngày 01/6/2022, Cục Thị hành án dân sự tỉnh K có Văn bản đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên, với lý do: việc thi hành án không thực hiện được (do người phải thi hành án chết).

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 52/2023/HC-GĐT ngày 20/9/2023 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quyết định: Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 172/2021/HC-PT ngày 01/7/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện bà Đỗ Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC- ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 21/02/2020, bà Đỗ Thị T chết, người đại diện theo ủy quyền là bà Phạm Thị N3 chấm dứt tư cách người đại diện. Theo Đơn xác nhận quan hệ nhân thân đề nghị Ủy ban nhân dân phường N xác nhận của bà Trần Thị Q1 là con gái của bà T thì người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bà T gồm 13 người con của bà và đều xin xét xử vắng mặt. Tại Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ngày 11/01/2024 của UBND phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa cho rằng qua kiểm tra sổ bộ khai sinh tại UBND phường thì Đơn xác nhận còn sót 01 thành viên là ông Trần T1, sinh năm 1981. Tuy nhiên, 13 người con trên đều thống nhất đề nghị xét xử vắng mặt nên trường hợp có sót một thành viên cũng không ảnh hưởng đến quyền của bà T.

Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng đã triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Bà Đỗ Thị T thừa nhận có xây móng đá chẻ, tường xây gạch để giữ đất của gia đình bà. Ngày 16/5/2018, Ủy ban nhân dân (UBND) phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa lập biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC đối với bà Đỗ Thị T do có hành vi vi phạm hành chính là lấn, chiếm đất ở thuộc một

phần Thửa đất số 35 (sau thành Thửa đất số 343), tờ bản đồ số 4, tổ dân phố B, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa để xây dựng công trình trái phép: diện tích vi phạm 4,9m x3,1m = 15,19m^2, kết cấu xây dựng: móng xây đã chẻ, tường xây gạch một bên cao 0,4m.

[2.2] Ngày 21/5/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định số 2383/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà T do có hành vi vi phạm hành chính nêu trên với hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 7.500.000 đồng và buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất lấn, chiếm. Không đồng ý với Quyết định số 2383 nêu trên, bà T có đơn khiếu nại. Ngày 26/7/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định 2996/QĐ-UBND và ngày 09/01/2019, Chủ tịch UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 77/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà Đỗ Thị T. Không đồng ý với các Quyết định giải quyết khiếu nại nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các Quyết định số 2383/QĐ-XPVPHC; Quyết định 2996 và Quyết định số 77/QĐ-UBND.

[2.3] Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC do UBND phường N lập ngày 16/5/2018, Chủ tịch UBND thị xã N ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 2383/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 đối với Đỗ Thị T2 đảm bảo, đúng về hình thức, trình tự thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu theo quy định tại các Điều 6, 38, 57, 66, 67, 68 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[2.4] Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 35 là đất mồ mả có trước năm 1975. Theo sổ mục kê của xã N năm 2002 thì Thửa đất số 35 là đất quy hoạch, hiện trạng là đất hoang và đất nghĩa địa do UBND xã N quản lý. Năm 2008, 2009, UBND xã N tiến hành kiểm kê số lượng mồ mả để quy hoạch khu dân cư P thì thửa đất này là đất trống. UBND xã N có lập Biên bản kiểm kê và áp giá bồi thường thì trong danh sách không có tên bà T. Vị trí của thửa đất bà T xây móng đá chẻ thuộc quy hoạch phân lô khu dân cư P, phường N, thị xã N của Quyết định 1464/QĐ-UBND ngày 23/7/2012 của UBND thị xã N và được tổ chức bán đấu giá vào các năm 2014, 2015, 2016.

[2.5] Người khởi kiện bà Đỗ Thị T cho rằng một phần Thửa đất số 35 có nguồn gốc là dùng để chôn cất ông bà tổ tiên có trước năm 1975 nhưng người khởi kiện không cung cấp được hồ sơ, tài liệu gì để chứng minh nguồn gốc một phần diện tích của Thửa đất trên là thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà, đồng thời bà cũng không đăng ký kê khai nguồn gốc đất tại địa phương.

[2.6] Từ các mục [2.4], [2.5] thể hiện bà T tự ý xây móng, tường gạch trên một phần diện tích Thửa đất số 343 được quy hoạch khu dân cư P, phường N là hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Luật đất đai năm 2013. Vì vậy, Quyết định số 2383/QĐ-XPVPHC ngày 21/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã N, xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Đỗ Thị T về hành vi chiếm đất ở với hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 7.500.000 đồng và

buộc khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm, buộc trả lại đất lấn, chiếm là có căn cứ, đúng theo quy định khoản 3 Điều 10 Nghị định 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Theo đó, các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND thị xã N, Chủ tịch UNBN tỉnh K không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà T và Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà là có cơ sở.

[3] Từ những phân tích trên và tại giai đoạn phúc thẩm người khởi kiện không cung cấp tài liệu chứng cứ gì mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC- ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

[4] Chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng tại phiên tòa.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: bà T được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 225 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị T3; giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2019/HC- ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

2. Về án phí: người khởi kiện được miễn theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Dung